TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 4 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về
con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Trần Khoa

2. Bà Võ Thị Bời

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Giỏi Mạnh P - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 833/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Tổ C T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Lê Thanh H**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị L trình bày như sau:

Bà và ông Lê Thanh H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2018, được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 158 ngày 15/10/2018. Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông H

thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn. Từ năm 2019 đến nay, bà và ông H đã sống ly thân. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thanh H.

Về con chung (tại Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 03/02/2025): Bà và ông Lê Thanh H có 01 con chung là cháu Lê Bình An N, sinh ngày 16/10/2015. Bà yêu cầu giao con chung cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì bà không đủ điều kiện để nuôi con. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng là sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị L được ly hôn ông Lê Thanh H. Về con chung: Giao cháu Lê Bình An N, sinh ngày 16/10/2015 cho ông Lê Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí, nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung khi ly hôn với ông Lê Thanh H, cư trú tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; quan hệ pháp luật

tranh chấp của vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn".

Nguyên đơn bà Trần Thị L vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Thanh H được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị L và ông Lê Thanh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Lê Thanh H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 158 ngày 15/10/2018 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của bà L, quá trình chung sống, bà và ông H có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn. Từ năm 2019 đến nay, bà và ông H đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H đều vắng mặt, thể hiện không có thiện chí đoàn tụ gia đình với bà L. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà L về việc giải quyết ly hôn với ông H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo giấy khai sinh và lời khai của bà L thể hiện bà L và ông H có 01 con chung là Lê Bình An N, sinh ngày 16/10/2015. Bà L đề nghị Tòa án giao con chung cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì bà không đủ điều kiện để nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy hiện ông H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Bình An N, sinh ngày 16/10/2015. Tại bản tự khai ngày 24/01/2025, cháu N trình bày nguyện vọng được ở với ông H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung phát triển toàn diện và được sống ổn định nên giao cháu Lê Bình An N cho ông H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà L đề nghị được cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng là sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu này của bà L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị L được ly hôn ông Lê Thanh H.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Lê Bình An N, sinh ngày 16/10/2015 cho ông Lê Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đồng thời, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng là sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, bà L và ông H đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002955 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Bà L còn phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị L và ông Lê Thanh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- UBND xã Phước Đồng, TP. Nha Trang (GCNKH số 158 ngày 15/10/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌC PHIÊN TÒA**

Đặng Trần Khoa **Võ Thị Bời** **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**